

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

**BÀI: “TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ TÌNH  
HÌNH HỢP TÁC GIAO THƯƠNG ĐỐI VỚI MẶT HÀNG THỦY SẢN CỦA  
VIỆT NAM VỚI THỊ TRƯỜNG CPTPP TRONG 8 THÁNG ĐẦU NĂM  
2025”**

**THUỘC NHIỆM VỤ**  
**“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai  
hiệp định CPTPP năm 2025”**

**Hà Nội, 2025**

## MỤC LỤC

|                                                                                                                   |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I. Tình hình xuất khẩu mặt hàng của Việt Nam sang khối thị trường CPTPP trong tháng.....</b>                   | <b>4</b>  |
| 1. <i>Đánh giá tổng quan tình hình xuất khẩu mặt hàng sang thị trường CPTPP trong tháng .....</i>                 | 4         |
| 2. <i>Cơ cấu thị trường xuất khẩu sang khối thị trường CPTPP trong tháng ....</i>                                 | 6         |
| 3. <i>Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu sang thị trường CPTPP .....</i>                                                  | 12        |
| <b>II. Cơ hội hợp tác sản xuất, đầu tư, giao thương mặt hàng của Việt Nam với các nước thành viên CPTPP .....</b> | <b>14</b> |
| <b>III. Triển vọng và dự báo.....</b>                                                                             | <b>15</b> |
| 1. <i>Những yếu tố tác động tiêu cực đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam .....</i>                                | 18        |
| 2. <i>Những yếu tố tác động tích cực đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam .....</i>                                | 19        |

## **DANH MỤC BẢNG**

|                                                                                                                                   |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Bảng 1: Tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang các thị trường thành viên CPTPP tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025 .....</b>       | <b>5</b>  |
| <b>Bảng 2: Nhập khẩu nhóm hàng thủy sản mã HS 0304 của Nhật Bản từ một số nguồn cung tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2025 .....</b>    | <b>9</b>  |
| <b>Bảng 3: Xuất khẩu hàng thủy sản của Việt Nam sang các nước thành viên Hiệp định CPTPP tháng 8 và 8 tháng năm 2025 .....</b>    | <b>11</b> |
| <b>Bảng 4: Xuất khẩu các nhóm hàng thủy sản của Việt Nam sang các nước thành viên CPTPP tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025 .....</b> | <b>13</b> |

## **DANH MỤC BIỂU ĐỒ**

|                                                                                                                                       |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP giai đoạn 8 tháng năm 2019 - 2025 .....</b> | <b>6</b>  |
| <b>Biểu đồ 2: Xuất khẩu thủy sản sang Vương quốc Anh trong 8 tháng đầu năm giai đoạn 2021-2025.....</b>                               | <b>7</b>  |
| <b>Biểu đồ 3: Tỷ trọng về trị giá xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong các nước thành viên hiệp định CPTPP 8 tháng năm 2025 .....</b>    | <b>12</b> |
| <b>Biểu đồ 4: Dự báo quy mô thị trường cá và hải sản toàn cầu giai đoạn từ năm 2025 – 2034.....</b>                                   | <b>16</b> |

## NỘI DUNG

### **I. Tình hình xuất khẩu mặt hàng của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong tháng**

#### **1. *Đánh giá tổng quan tình hình xuất khẩu mặt hàng sang thị trường CPTPP trong tháng***

Sự hồi phục mạnh mẽ của thị trường lớn, đặc biệt là các thị trường khu vực châu Á, cùng lợi thế từ các hiệp định thương mại hỗ trợ đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, và sự chuyển dịch sang phân khúc sản phẩm giá trị cao — sản phẩm chế biến sâu, có thương hiệu, đáp ứng tiêu chuẩn thị trường khó tính của doanh nghiệp Việt Nam đã giúp xuất khẩu thủy sản tiếp tục tăng tốc trong tháng 8/2025. Theo số liệu hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 8/2025 tăng 10,56% so với tháng 7/2025 và tăng 9,26% so với tháng 8/2024, đạt xấp xỉ 1,1 tỷ USD.

Tổng kim ngạch xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm 2025 đạt gần 7,2 tỷ USD, tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước. Tôm tiếp tục là mặt hàng chủ lực với mức tăng trưởng cao gần 23%, cho thấy khả năng giữ vững vị thế và chất lượng sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm giá trị gia tăng. Nhóm hàng nhuyễn thể cũng tăng mạnh hơn 20%, minh chứng cho sự đa dạng hóa thành công của doanh nghiệp. Nhóm cá tra cũng phục hồi tốt nhờ sự ổn định về giá nguyên liệu và chiến lược đẩy mạnh sản phẩm giá trị gia tăng, đạt 1,42 tỷ USD, tăng 9,7%.

Về thị trường, các thị trường khác như EU và Hàn Quốc tiếp tục duy trì tăng trưởng ổn định. Đặc biệt, xuất khẩu sang các nước thuộc Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) tăng mạnh nhất, tiếp đến là Trung Quốc và Mỹ. Xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc tiếp tục tăng khá trong tháng 8/2025, tăng 19,9% so với tháng 8/2024, đạt 215,8 triệu USD, đưa kim ngạch xuất khẩu mặt hàng sang Trung Quốc 8 tháng đầu năm nay lên 1,42 tỷ USD, tăng 39,7% so với 8 tháng đầu năm ngoái.

Trong bối cảnh quốc tế có nhiều rào cản, các hiệp định thương mại tự do trở thành điểm tựa thúc đẩy hoạt động xuất khẩu nói chung và xuất khẩu thủy sản nói riêng. Đáng kể, các ưu đãi từ hiệp định CPTPP đã giúp thủy sản Việt Nam mở rộng sang nhiều thị trường như Canada, Chile và một số nước ASEAN, bù đắp cho các khó khăn tại các thị trường truyền thống.

Xuất khẩu thủy sản sang riêng các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP trong tháng 8/2025 tăng 13,86% so với tháng 7/2025, tăng 29,96% so với tháng 8/2024, và 8 tháng đầu năm 2025 tăng 21,13% so với cùng kỳ năm trước, đạt 1,94 tỷ USD (chiếm 27,17% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng của Việt Nam).

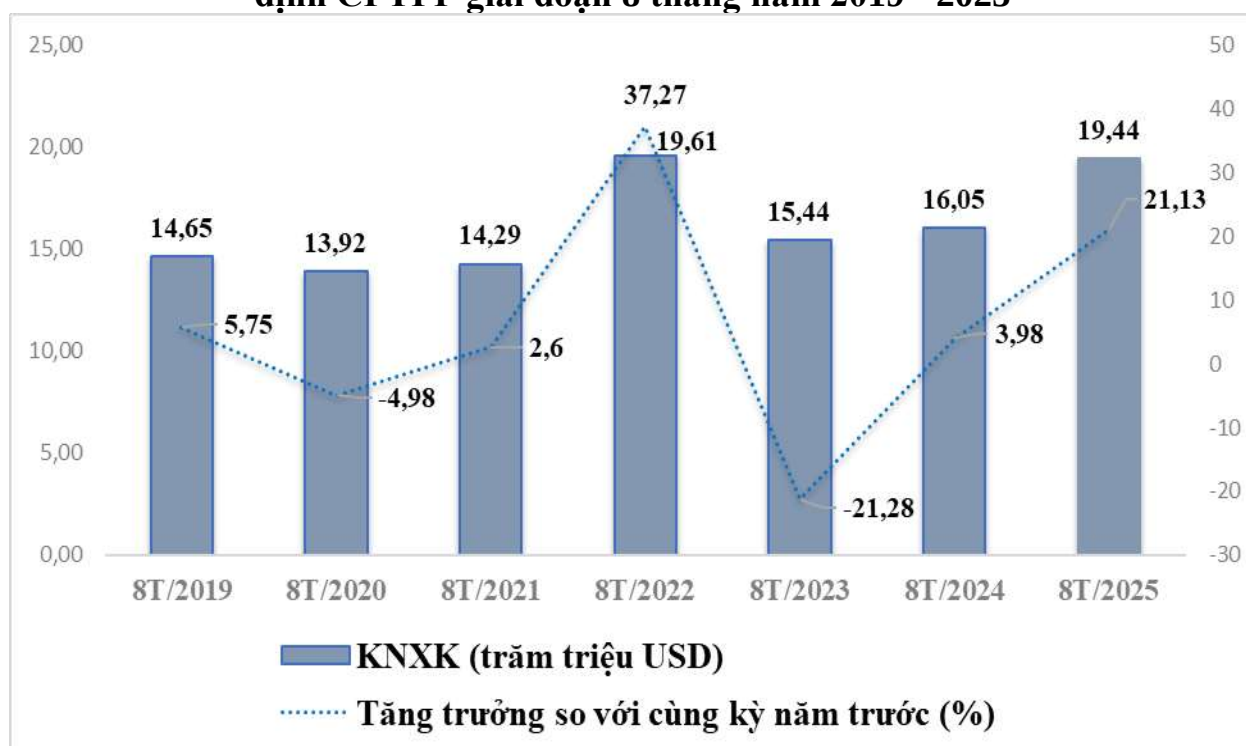
**Bảng 1: Tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang các thị trường thành viên CPTPP tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025**

|                                                                                                | Tháng 8/2025              |                      |                      | 8 tháng năm 2025          |                      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------|----------------------|---------------------------|----------------------|
|                                                                                                | Trị giá<br>(triệu<br>USD) | So<br>T7/2025<br>(%) | So<br>T8/2024<br>(%) | Trị giá<br>(triệu<br>USD) | So<br>8T/2024<br>(%) |
| <b>Tổng KNXK thủy sản của Việt Nam</b>                                                         | 1.074,2                   | 10,56                | 9,26                 | 7.156,20                  | 13,46                |
| <b>KNXK hàng thủy sản sang các thị trường thành viên CPTPP</b>                                 | 294,8                     | 13,86                | 26,96                | 1.944,33                  | 21,13                |
| <b>Tỷ trọng XK thủy sản sang các nước thành viên CPTPP/tổng KNXK mặt hàng của Việt Nam (%)</b> | 27,44                     |                      |                      | 27,17                     |                      |

*Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan*

Có thể thấy hiệp định CPTPP đã tạo ra lợi thế cạnh tranh có thể đo lường được (tăng thị phần và kim ngạch xuất khẩu nhanh hơn ở các thị trường thành viên), nhất là với các sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu và quy tắc xuất xứ (ROO) như cá tra, tôm... Thống kê số liệu hải quan, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang các quốc gia đối tác thành viên CPTPP 8 tháng đầu năm 2025 (thời điểm có 12 quốc gia tham gia hiệp định) tăng 40,3% so với mức 1,38 tỷ USD của cùng kỳ năm 2018 (thời điểm trước khi hiệp định chưa có hiệu lực) và tăng 32,67% so với 8 tháng đầu năm 2019 (năm đầu tiên CPTPP có hiệu lực với 11 quốc gia thành viên).

**Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP giai đoạn 8 tháng năm 2019 - 2025**



Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan

## 2. Cơ cấu thị trường xuất khẩu sang khối thị trường CPTPP trong tháng

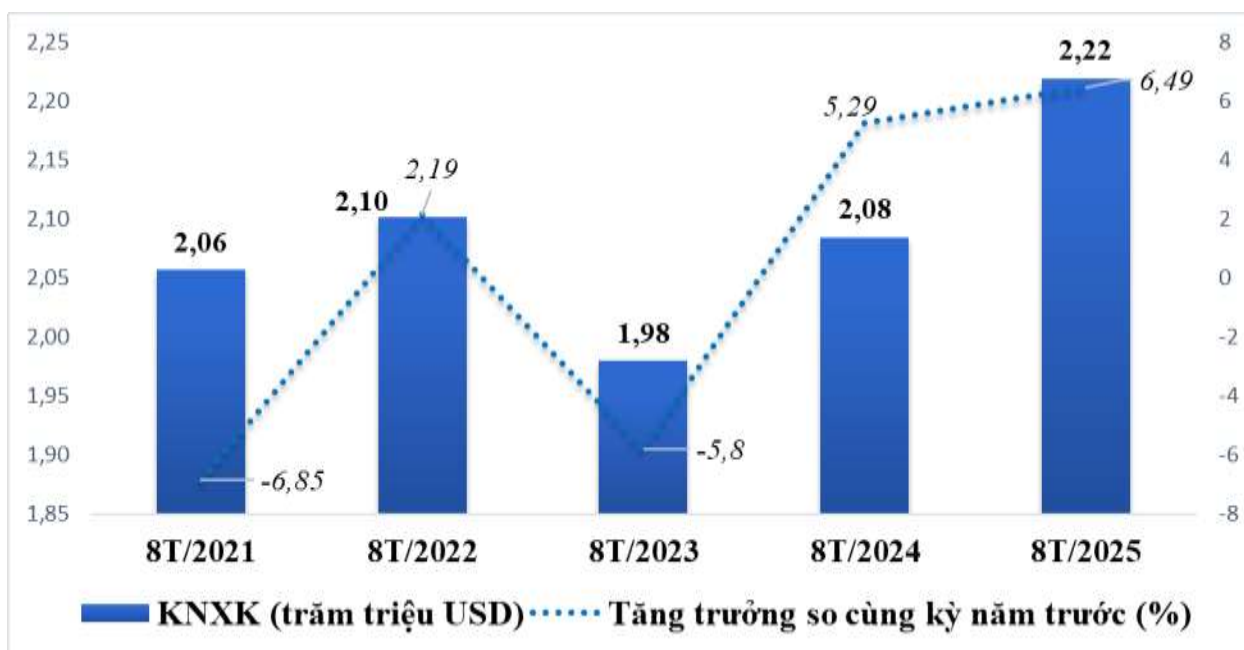
Vương quốc Anh được nhìn nhận là thị trường lớn tiềm năng đối các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam mặc dù quốc gia này mới tham gia hiệp định CPTPP từ 15/12/2024. Cam kết mở cửa thị trường của Anh trong khuôn khổ

CPTPP, đặc biệt cho ngành thủy sản, được đánh giá là “tốt hơn nữa” so với các hiệp định song phương và đa phương đã ký kết trước đây với Anh. Theo số liệu hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang Vương quốc Anh chiếm tới 11,42% tổng kim ngạch xuất khẩu ngành hàng sang các quốc gia thành viên hiệp định CPTPP 8 tháng đầu năm 2025.

Tính riêng trị giá xuất khẩu thủy sản sang Vương quốc Anh tháng 8/2025 tiếp tục tăng 8% so với tháng 7/2025 và tổng trị giá xuất khẩu thủy sản sang thị trường này 8 tháng đầu năm nay tăng 6,49% so với 8 tháng đầu năm ngoái.

Nhóm hàng xuất khẩu nhiều nhất sang Vương quốc Anh là nhóm động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản có mã HS 1605, chiếm 37,66% tỷ trọng về trị giá trong cơ cấu các nhóm hàng thủy sản xuất khẩu sang thị trường này. Thứ hai là nhóm mã hàng HS 0306 chiếm khoảng 32,28% và thứ ba là nhóm mã HS 0304 chiếm khoảng 24,3%.

**Biểu đồ 2: Xuất khẩu thủy sản sang Vương quốc Anh trong 8 tháng đầu năm giai đoạn 2021-2025**



Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan

Đáng chú ý, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Nhật Bản - thị trường lớn nhất trong khối các thị trường thành viên hiệp định CPTPP – tiếp tục tăng trưởng tích cực.

Theo số liệu của Cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu ngành hàng sang Nhật Bản tháng 8/2025 tăng 18,74% so với tháng 7/2025 và tăng 19,45% so với tháng 8/2024, đạt 164,83 triệu USD, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang Nhật Bản 8 tháng đầu năm nay lên gần 1,09 tỷ USD, tăng 11,05% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 55,84% tỷ trọng trong cơ cấu các thị trường xuất khẩu thủy sản thuộc khối thành viên hiệp định CPTPP của Việt Nam.

Đến nay, sau gần 8 năm CPTPP chính thức có hiệu lực với 12 thành viên, xuất khẩu thủy sản sang Nhật Bản tăng trưởng tích cực. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản 8 tháng đầu năm 2025 sang Nhật Bản tăng 25,63% so với 8 tháng cùng kỳ năm 2018 (khi CPTPP chưa có hiệu lực); tăng 15,35% so với cùng kỳ năm 2019 (năm đầu tiên hiệp định có hiệu lực).

Nhóm hàng mã HS 0304 (phi-lê cá và các loại thịt cá khác - đã hoặc chưa xay, nghiền, băm - tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh) là nhóm hàng thủy sản Việt Nam xuất nhiều nhất sang Nhật Bản, tuy nhiên Việt Nam chưa phải là nguồn cung lớn của Nhật Bản đối với nhóm hàng này. Theo số liệu của Trademap, Việt Nam chỉ là nguồn cung lớn thứ tám, kim ngạch xuất khẩu các chủng hàng thủy sản mã HS 0304 của Việt Nam sang Nhật Bản 7 tháng đầu năm 2025 chỉ chiếm 3,3% thị phần (tính theo tỷ trọng trong tổng nhập khẩu nhóm hàng từ các nước của Nhật Bản).

Đối thủ cạnh lớn nhất đối với mã hàng này tại Nhật Bản là Chile, chiếm 17,28% tỷ trọng. Chile cũng là thành viên của hiệp định CPTPP nên cũng được hưởng ưu đãi thuế quan trong nội khối các quốc gia thành viên hiệp định. Trong khi đó, cá hồi chính là ngành công nghiệp thủy sản lớn nhất của Chile và Chile là

một trong những nhà cung cấp cá hồi hàng đầu thế giới. Theo đó, Việt Nam không thể cạnh tranh đc với Chile ở phân nhóm phi-lê cá hồi (Salmon).

Các đối thủ lớn khác cùng khu vực châu Á là Trung Quốc, cũng chiếm thị phần khá cao là 9,1%. Điểm mạnh của Trung Quốc quy mô sản xuất. Việt Nam có ưu thế cạnh tranh về giá vì được ưu đãi thuế quan theo CPTPP.

**Bảng 2: Nhập khẩu nhóm hàng thủy sản mã HS 0304 của Nhật Bản từ một số nguồn cung tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2025**

| <b>Nguồn cung</b>       | <b>T7/2025<br/>(Nghìn USD)</b> | <b>So<br/>T6/2025<br/>(%)</b> | <b>So<br/>T7/2024<br/>(%)</b> | <b>7T/2025<br/>(Nghìn USD)</b> | <b>So<br/>7T/2024<br/>(%)</b> | <b>Tỷ trọng<br/>(%)</b> |
|-------------------------|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| <b><i>Tổng KNNK</i></b> | <b>265.395</b>                 | <b>0,45</b>                   | <b>2,78</b>                   | <b>1.989.725</b>               | <b>11,85</b>                  | <b>100,00</b>           |
| Chilê                   | 41.713                         | 9,52                          | -13,68                        | 343.794                        | 5,05                          | 17,28                   |
| Na Uy                   | 45.051                         | -9,03                         | 5,91                          | 328.953                        | 6,59                          | 16,53                   |
| Mỹ                      | 30.350                         | -17,05                        | 19,58                         | 228.308                        | 15,01                         | 11,47                   |
| Trung Quốc              | 32.485                         | 20,07                         | 31,14                         | 181.159                        | 27,22                         | 9,10                    |
| Thổ Nhĩ Kỳ              | 3.026                          | -85,30                        | -77,49                        | 90.513                         | 13,64                         | 4,55                    |
| Manta                   | 9.077                          |                               | 124,85                        | 86.806                         | -16,32                        | 4,36                    |
| Hàn Quốc                | 15.097                         | 46,54                         | 11,02                         | 79.105                         | -11,50                        | 3,98                    |
| Việt Nam                | 11.423                         | 3,79                          | 18,50                         | 65.703                         | 16,94                         | 3,30                    |
| Nga                     | 9.817                          | -20,89                        | 24,76                         | 58.383                         | 53,35                         | 2,93                    |
| Ấn Độ                   | 7.339                          | -9,55                         | -9,02                         | 54.493                         | 24,59                         | 2,74                    |
| Croatia                 | 69                             | -98,78                        | -98,93                        | 43.273                         | 83,92                         | 2,17                    |
| Tây Ban Nha             | 4.713                          | 956,73                        | -4,83                         | 36.163                         | -10,19                        | 1,82                    |

| <b>Nguồn cung</b> | <b>T7/2025<br/>(Nghìn USD)</b> | <b>So<br/>T6/2025<br/>(%)</b> | <b>So<br/>T7/2024<br/>(%)</b> | <b>7T/2025<br/>(Nghìn USD)</b> | <b>So<br/>7T/2024<br/>(%)</b> | <b>Tỷ trọng<br/>(%)</b> |
|-------------------|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| Thái Lan          | 4.349                          | -12,23                        | -14,00                        | 36.153                         | -9,05                         | 1,82                    |
| New Zealand       | 5.335                          | -10,86                        | -16,90                        | 35.266                         | -6,52                         | 1,77                    |
| Marôc             | 798                            | 570,59                        | -18,82                        | 34.916                         | 42,72                         | 1,75                    |
| Tuynidi           | 6.104                          | 83,80                         | 53,56                         | 30.908                         | -17,94                        | 1,55                    |
| Vương quốc Anh    | 5.313                          | -2,76                         | 76,39                         | 25.120                         | 59,99                         | 1,26                    |
| Achentina         | 3.859                          | 124,49                        | 322,21                        | 23.011                         | 198,73                        | 1,16                    |
| Indônêxia         | 4.249                          | 54,62                         | 55,24                         | 22.510                         | 12,79                         | 1,13                    |

*Nguồn: Số liệu từ Trademap (ITC)*

Xuất khẩu thủy sản sang nhóm các thị trường khu vực Đông Nam Á (gồm Malaysia, Singapore và Brunây) cũng có xu hướng tăng. So với tháng 8/2024, kim ngạch xuất khẩu thủy sản tháng 8/2025 sang Malaysia tăng 32,29%, sang Singapore tăng 24,83% và sang Brunây tăng 36,03%. Tính chung kim ngạch xuất khẩu thủy sản 8 tháng đầu năm nay sang Malaysia tăng 17,44%, sang Singapore tăng 9,56%, sang Brunây tăng 5,31% so với cùng kỳ năm ngoái.

Có thể thấy, CPTPP được coi là một trong những động lực tăng trưởng mạnh mẽ và ổn định nhất của ngành thủy sản Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh các thị trường truyền thống (như Mỹ và Trung Quốc) đang có dấu hiệu chững lại hoặc đối mặt với các rào cản thương mại mới. Việc các mặt hàng thủy sản được xóa bỏ thuế quan về 0% đã giúp sản phẩm Việt Nam giảm chi phí và tăng sức cạnh tranh mạnh mẽ về giá so với các đối thủ không thuộc khối (như Trung Quốc hay Hoa Kỳ, vốn phải chịu thuế MFN). Các thị trường CPTPP, đặc biệt là Nhật Bản và Canada, yêu cầu cao về tiêu chuẩn chất lượng và truy xuất nguồn gốc. Kết quả

tăng trưởng trên cho thấy thủy sản Việt Nam đang nâng cao chất lượng và tăng tỷ trọng sản phẩm chế biến sâu (HS 16) để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tiện lợi, cao cấp hơn.

**Bảng 3: Xuất khẩu hàng thủy sản của Việt Nam sang các nước thành viên Hiệp định CPTPP tháng 8 và 8 tháng năm 2025**

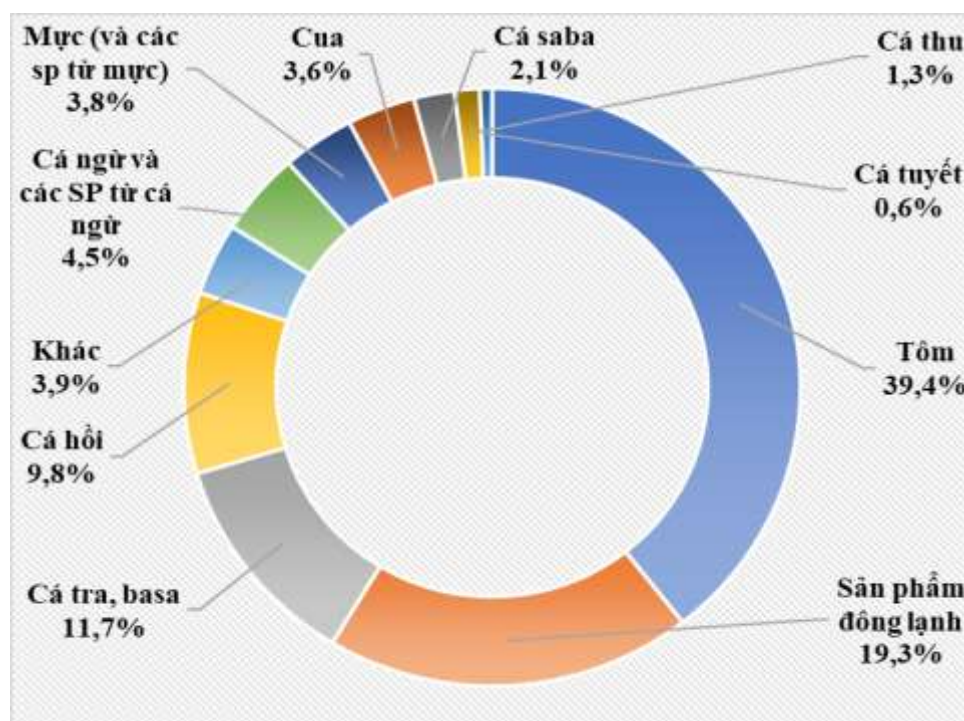
| Tên thị trường                                     | Tháng 8/2025         |                      |                      | 8 tháng đầu năm 2025   |                      |                      |
|----------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|----------------------|
|                                                    | KNXK<br>(triệu USD)  | So<br>T7/2025<br>(%) | So<br>T8/2024<br>(%) | KNXK<br>(triệu USD)    | So<br>8T/2024<br>(%) | Tỷ<br>trọng<br>(%)   |
| <b><i>FTA CPTPP-<br/>11 thị trường<br/>(*)</i></b> | <b><i>294,80</i></b> | <b><i>13,86</i></b>  | <b><i>26,96</i></b>  | <b><i>1.944,33</i></b> | <b><i>21,13</i></b>  | <b><i>100,00</i></b> |
| Nhật Bản                                           | 164,83               | 18,74                | 19,45                | 1.085,80               | 11,05                | 55,84                |
| Anh                                                | 35,90                | 8                    | -0,16                | 221,99                 | 6,49                 | 11,42                |
| Australia                                          | 32,27                | 15,82                | 5,82                 | 212,94                 | -1,08                | 10,95                |
| Canada                                             | 26,90                | 3,62                 | -14,48               | 175,90                 | 0,63                 | 9,05                 |
| Malaysia                                           | 11,93                | -0,99                | 32,29                | 84,56                  | 17,44                | 4,35                 |
| Mexico                                             | 9,95                 | 10,72                | -2,63                | 66,70                  | -6,52                | 3,43                 |
| Singapore                                          | 8,99                 | 5,27                 | 24,83                | 63,03                  | 9,56                 | 3,24                 |
| Chile                                              | 1,89                 | 22,36                | -24,75               | 12,10                  | -22,96               | 0,62                 |
| New Zealand                                        | 1,21                 | 65,83                | -45,15               | 11,70                  | -17,7                | 0,60                 |
| Peru                                               | 0,79                 | -12,22               | -22,23               | 8,35                   | 56,98                | 0,43                 |
| Brunây                                             | 0,15                 | -48,72               | 36,03                | 1,27                   | 5,31                 | 0,07                 |

*Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan*

### 3. Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu sang thị trường CPTPP

Xuất khẩu hầu hết các nhóm hàng thủy sản đều tăng. Trong đó, tôm (gồm tôm tươi và các sản phẩm chế biến từ tôm) vẫn là nhóm hàng chủ lực có trị giá xuất khẩu cao nhất trong các nhóm hàng thủy sản xuất khẩu sang các thị trường thành viên CPTPP. Kim ngạch xuất khẩu các loại tôm nói trên trong tháng 8/2025 tiếp tục tăng 12,44% so với tháng 7/2025 và tăng 6,84% so với tháng 8/2024, đạt 97,44 triệu USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu tôm 8 tháng đầu năm nay lên 712,42 triệu USD, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2024, chiếm 38,93% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang các quốc gia đối tác thành viên hiệp định CPTPP.

**Biểu đồ 3: Tỷ trọng về trị giá xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong các nước thành viên hiệp định CPTPP 8 tháng năm 2025**



*Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan*

Cá tra và basa cũng là nhóm hàng tăng trưởng cao với kim ngạch xuất khẩu trong tháng 8/2025 đạt 26,76 triệu USD, tăng 14,38% so với cùng tháng 8/2024 và kim ngạch xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm 2025 tăng 22,05% so với 8 tháng đầu

năm trước, đạt 210,89 triệu USD, chiếm 11,52% tỷ trọng về trị giá trong cơ cấu nhóm hàng thủy sản xuất khẩu sang các thị trường thành viên CPTPP.

Tăng trưởng mạnh nhất là nhóm cá saba. Tuy chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng xuất khẩu cá saba tăng mạnh với trị giá xuất khẩu 8 tháng đầu năm nay tăng tới 136,98% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 38,7 triệu USD, chiếm 2,11% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang các quốc gia đối tác thành viên hiệp định CPTPP.

**Bảng 4: Xuất khẩu các nhóm hàng thủy sản của Việt Nam sang các nước thành viên CPTPP tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025**

| Nhóm hàng                                          | T8/2025<br>(triệu USD) | So<br>T7/2025<br>(%) | So<br>T8/2024<br>(%) | 8T/2025<br>(triệu USD) | So<br>8T/2024<br>(%) | Tỷ<br>trọng<br>(%) |
|----------------------------------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|--------------------|
| <b><i>KNXXK sang các nước thành viên CPTPP</i></b> | <b>259,04</b>          | <b>0,05</b>          | <b>11,55</b>         | <b>1.830,20</b>        | <b>14,02</b>         | <b>100,00</b>      |
| Tôm                                                | 97,44                  | 12,44                | 6,84                 | 712,42                 | 19,00                | 38,93              |
| Sản phẩm đông lạnh                                 | 50,09                  | -26,17               | 22,38                | 348,72                 | 6,54                 | 19,05              |
| Cá tra, basa                                       | 26,76                  | 2,05                 | 14,38                | 210,89                 | 22,05                | 11,52              |
| Cá hồi                                             | 25,58                  | 14,77                | 11,75                | 176,97                 | 3,47                 | 9,67               |
| Cá ngừ và các SP từ cá ngừ                         | 12,31                  | 23,57                | 11,54                | 81,30                  | 6,83                 | 4,44               |
| Khác                                               | 11,21                  | -36,05               | -20,70               | 70,62                  | -23,34               | 3,86               |
| Mực (và các sp từ mực)                             | 10,51                  | 32,52                | 25,21                | 68,87                  | 16,88                | 3,76               |
| Cua                                                | 12,03                  | 77,57                | 16,42                | 64,55                  | 14,43                | 3,53               |
| Cá saba                                            | 4,90                   | -19,39               | 3,87                 | 38,70                  | 136,98               | 2,11               |
| Cá thu                                             | 3,66                   | 6,34                 | 22,54                | 23,90                  | 24,43                | 1,31               |

| <b>Nhóm hàng</b> | <b>T8/2025<br/>(triệu USD)</b> | <b>So<br/>T7/2025<br/>(%)</b> | <b>So<br/>T8/2024<br/>(%)</b> | <b>8T/2025<br/>(triệu USD)</b> | <b>So<br/>8T/2024<br/>(%)</b> | <b>Tỷ<br/>trọng<br/>(%)</b> |
|------------------|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| Chả cá           | 2,25                           | -2,52                         |                               | 13,08                          |                               | 0,71                        |
| Cá tuyết         | 1,23                           | 56,55                         | -11,35                        | 11,48                          | 18,62                         | 0,63                        |
| Nước mắm         | 0,40                           | -47,52                        | -33,13                        | 4,76                           | 1,10                          | 0,26                        |
| Da cá            | 0,28                           | 32,55                         |                               | 2,26                           |                               | 0,12                        |
| Mắm ruốc         | 0,20                           |                               |                               | 0,78                           | 55,41                         | 0,04                        |
| Thanh cua        | 0,13                           | 253,92                        | -35,02                        | 0,51                           | -62,29                        | 0,03                        |
| Mắm cá           | 0,06                           | -17,54                        |                               | 0,40                           |                               | 0,02                        |

*Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan*

## **II. Cơ hội hợp tác sản xuất, đầu tư, giao thương mặt hàng của Việt Nam với các nước thành viên CPTPP**

Thông tin từ Thương vụ Việt Nam tại Brazil, Triển lãm Seafood Show Latin America 2025 lần thứ tư sẽ được tổ chức tại trung tâm triển lãm Distrito Anhembi, São Paulo (Brazil) từ ngày 21 – 23/10/2025 với sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp thủy sản quốc tế.

Đây là sự kiện chuyên ngành thủy sản lớn nhất khu vực Mỹ Latinh, quy tụ các doanh nghiệp, nhà nhập khẩu, phân phối và chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực chế biến, xuất nhập khẩu thủy sản. Bên cạnh các sản phẩm cá tươi, cá đông lạnh, Ban tổ chức cũng hướng đến việc giới thiệu công nghệ và giải pháp mới cho ngành chế biến thông qua các gian hàng trưng bày các thiết bị hiện đại như máy cắt fillet, dây chuyền chia phần, hệ thống cân định lượng và tự động hóa chế biến.

Triển lãm Seafood Show Latin America 2025 lần thứ tư sẽ không chỉ là nơi giới thiệu sản phẩm mà còn được xem như “điểm hẹn kết nối chiến lược” của toàn chuỗi cung ứng - từ người nuôi trồng, nhà chế biến, nhà cung cấp, đến hệ thống

bán lẻ. Chính vì vậy, nếu các doanh nghiệp Việt Nam tham gia triển lãm lần này sẽ rất có ý nghĩa, góp phần khẳng định vị thế và năng lực cạnh tranh của thủy sản Việt Nam trên bản đồ thế giới.

Đây cũng là cơ hội để các doanh nghiệp ngành thủy sản Việt Nam mở rộng thị trường sang khu vực Mỹ Latinh. Xu hướng người tiêu dùng khu vực này chuyển sang nguồn protein lành mạnh, bền vững sẽ tạo dư địa lớn cho thủy sản Việt Nam, đặc biệt là cá tra - sản phẩm có lợi thế vượt trội so với Tilapia nhờ giá cạnh tranh và chất lượng thịt trắng.

Ngoài ra, việc tham gia triển lãm tại Brazil ở trung tâm thương mại lớn nhất khu vực cũng sẽ giúp doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận trực tiếp hệ thống phân phối, chuỗi nhà hàng và siêu thị lớn. Doanh nghiệp có thể tìm hiểu thị hiếu người tiêu dùng bản địa, từ khẩu vị, bao bì, cho đến xu hướng tiêu dùng thân thiện môi trường, yếu tố ngày càng được người Brazil quan tâm.

Và để đạt được hiệu quả cao trong Triển lãm Seafood Show Latin America 2025, doanh nghiệp nên chủ động chuẩn bị kỹ lưỡng, từ điều chỉnh nhãn mác, bao bì bằng tiếng Bồ Đào Nha/Tây Ban Nha, đến thiết kế truyền thông quảng bá chuyên nghiệp.

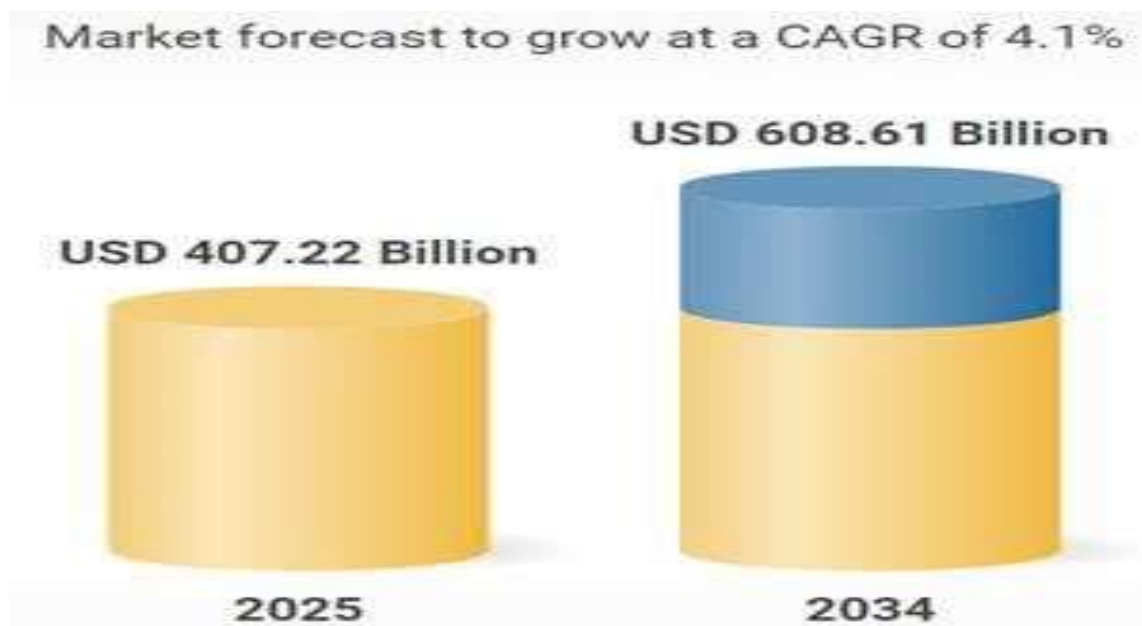
### **III. Triển vọng và dự báo**

Thị trường cá và hải sản cung cấp nhiều loại sản phẩm, đáp ứng sở thích đa dạng của người tiêu dùng, bao gồm cả các lựa chọn tươi sống và đông lạnh. Thị trường cá và hải sản đang phát triển, được thúc đẩy bởi các xu hướng như hoạt động đánh bắt bền vững, sự gia tăng của thương mại điện tử và bán hải sản trực tuyến, xuất khẩu hải sản ngày càng tăng và nhu cầu về hải sản cao cấp.

Theo Researchandmarkets, thị trường cá và hải sản toàn cầu năm 2024 đạt khoảng 407,22 tỷ USD, dự báo sẽ tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 4,10% từ năm 2025 đến năm 2034, và có khả năng đạt 608,61 tỷ USD vào năm 2034, nhờ nhu cầu ngày càng tăng đối với hải sản bền vững và có

nguồn gốc có trách nhiệm, những đổi mới trong công nghệ nuôi trồng thủy sản và sự gia tăng tiêu thụ hải sản tại các thị trường mới nổi.

**Biểu đồ 4: Dự báo quy mô thị trường cá và hải sản toàn cầu giai đoạn từ năm 2025 – 2034**



*Nguồn: researchandmarkets.com*

Cá và hải sản là một phần không thể thiếu trong nhiều truyền thống ẩm thực toàn cầu, thúc đẩy sự gắn kết văn hóa. Hải sản là một lựa chọn thích hợp để kiểm soát cân nặng nhờ hàm lượng protein cao và ít calo. Thị trường cung cấp đa dạng các sản phẩm, bao gồm động vật có vỏ, giáp xác và nhiều loại cá khác nhau, thúc đẩy nhu cầu của thị trường cá và hải sản. Cá cũng giàu chất chống oxy hóa như selen, giúp chống lại stress oxy hóa.

Thương mại hải sản toàn cầu đang phát triển, với ngày càng nhiều quốc gia tham gia xuất khẩu và nhập khẩu các loại cá và sản phẩm hải sản khác nhau. Các thị trường phát triển ở Bắc Mỹ và Châu Âu ngày càng phụ thuộc vào nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu. Sự mở rộng này trong thương mại quốc tế đang thúc đẩy tăng trưởng thị trường và góp phần vào nguồn cung hải sản toàn cầu.

Sự phổ biến ngày càng tăng của thương mại điện tử đang chuyển đổi thị trường hải sản, giúp người tiêu dùng dễ dàng mua hải sản tươi sống, đông lạnh

hoặc chế biến trực tuyến. Các nền tảng trực tuyến mang lại sự tiện lợi hơn, đa dạng lựa chọn hơn và giao hàng trực tiếp, đáp ứng sở thích mua sắm đang thay đổi của người tiêu dùng, đặc biệt là ở khu vực thành thị.

Ngoài ra, khi thu nhập khả dụng tăng lên, nhu cầu về hải sản cao cấp cũng tăng theo. Người tiêu dùng hiện sẵn sàng chi tiêu nhiều hơn cho các mặt hàng chất lượng cao, độc đáo như cá đánh bắt bền vững, hải sản cao cấp (như tôm hùm và hào), và các lựa chọn ẩm thực sáng tạo. Sự thay đổi này cho thấy xu hướng ngày càng coi trọng chất lượng hơn số lượng.

Riêng thị trường hải sản toàn cầu (bao gồm một loạt các sản phẩm như cá, giáp xác, động vật thân mềm và rong biển, được cung cấp thông qua đánh bắt tự nhiên và nuôi trồng) ước đạt 242,9 tỷ USD vào năm 2025. Hơn nữa, thị trường này dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ CAGR là 7,5% để đạt 464,7 tỷ USD vào năm 2034. Ngành hàng này chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như tính bền vững của đại dương, khuôn khổ pháp lý, những tiến bộ công nghệ trong chế biến và bảo quản, và bối cảnh bán lẻ đang phát triển.

Nhu cầu đặc biệt mạnh mẽ ở Châu Á - Thái Bình Dương, nơi chiếm phần lớn sản lượng và tiêu thụ hải sản toàn cầu. Trong khi đó, nhận thức ngày càng tăng về tác động môi trường và đánh bắt quá mức đang thúc đẩy sự quan tâm đến các sản phẩm hải sản có thể truy xuất nguồn gốc, có nguồn gốc có trách nhiệm và được chứng nhận. Sự tích hợp giữa logistics chuỗi lạnh, nền tảng thương mại điện tử và bao bì sáng tạo đã cải thiện đáng kể khả năng tiếp cận và thời hạn sử dụng. Với lợi ích dinh dưỡng đa dạng, nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng trên toàn cầu và sự phù hợp với các xu hướng quan tâm đến sức khỏe, thị trường hải sản vẫn là một phân khúc năng động và không thể thiếu của ngành công nghiệp thực phẩm toàn cầu.

Năm 2024, thị trường hải sản đã trải qua cả sự mở rộng và chuyển đổi, được thúc đẩy bởi sự thay đổi thói quen tiêu dùng, mối quan tâm về môi trường và hiện đại hóa chuỗi cung ứng. Hải sản bền vững đã đạt được động lực đáng kể, với các nhà bán lẻ và nhà cung cấp dịch vụ thực phẩm nhấn mạnh chứng nhận của bên thứ

ba và hệ thống truy xuất nguồn gốc để đảm bảo người tiêu dùng có ý thức về môi trường. Theo đó, phân khúc nuôi trồng thủy sản sẽ tiếp tục tăng mạnh. Tuy nhiên, căng thẳng địa chính trị và các hiện tượng thời tiết cực đoan có thể làm gián đoạn hoạt động đánh bắt cá và xuất khẩu toàn cầu.

### ***1. Những yếu tố tác động tiêu cực đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam***

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, các yêu cầu về bền vững đang ngày càng khắt khe và phức tạp, đặc biệt với ngành thủy sản Việt Nam. Hiệp định Trợ cấp Thủy sản (AFS) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) chính thức có hiệu lực từ ngày 15/9/2025, đánh dấu thỏa thuận đa phương đầu tiên của WTO lấy tính bền vững môi trường làm trọng tâm. Thỏa thuận thiết lập 3 lệnh cấm cốt lõi nhắm vào các khoản trợ cấp đánh bắt mang tính hủy diệt nhất: trợ cấp hỗ trợ đánh bắt cá bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU); lạm thác các nguồn lợi thủy sản mà không có các biện pháp phục hồi hiệu quả; và đánh bắt không theo quy định trên vùng biển quốc tế ngoài phạm vi quyền tài phán quốc gia. Các chính phủ hiện đang phải đối mặt với nhiệm vụ cấp bách là điều chỉnh chính sách trong nước cho phù hợp với các quy định mới. Điều này bao gồm việc thẩm tra các chương trình trợ cấp hiện có, thiết lập các quy trình thủ tục cho việc xác định đánh bắt IUU và nâng cấp các hệ thống kiểm tra, kiểm soát và giám sát.

Thuế đối ứng 20% của Mỹ khiến hàng thủy sản Việt Nam kém cạnh tranh hơn so với Thái Lan, Indonesia hay Ecuador. Ngoài ra, ngành tôm còn đứng trước nguy cơ bị áp thuế chống bán phá giá cao trong đợt rà soát POR19. Không những thế, từ 01/01/2026, Mỹ sẽ cấm nhập khẩu hải sản từ 12 nghề cá của Việt Nam không được công nhận tương đương theo Luật MMPA, có thể làm mất đi hơn 500 triệu USD kim ngạch mỗi năm. Bên cạnh đó, thẻ vàng IUU vẫn chưa được gỡ bỏ, cộng thêm các quy định mới về kích thước tối thiểu cá ngừ vây và cấm trộn lẫn nguyên liệu khiến nhiều doanh nghiệp khó xoay sở nguồn hàng hợp pháp.

Xuất khẩu thủy sản Việt Nam 2025 đang tiến gần cột mốc 10 tỷ USD, nhưng đằng sau sự tăng trưởng ấy, thách thức về thuế quan, rào cản kỹ thuật và các quy định quốc tế đang làm tăng áp lực cho triển vọng 2026.

## ***2. Những yếu tố tác động tích cực đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam***

Một trong những nội dung của Nghị quyết 46/NQ-CP của Chính phủ (Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 02 năm 2025) là tập trung phát triển nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, ngành thủy sản Việt Nam đã có nhiều biến đổi trong thay đổi công nghệ sản xuất và xuất khẩu. Tại nhiều địa phương như Cà Mau, An Giang, Cần Thơ, mô hình nuôi tôm – rừng, tôm – lúa, cá – lúa đang được áp dụng rộng rãi, giúp tối ưu tài nguyên, giảm sử dụng hóa chất, đồng thời tăng hiệu quả sản xuất.

Bên cạnh khu vực sản xuất nguyên liệu, nhiều doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu như Skretting Việt Nam, De Heus, Vĩnh Hoàn, Minh Phú... cũng đang đầu tư công nghệ nuôi tuần hoàn khép kín, ứng dụng năng lượng tái tạo và giải pháp giảm phát thải ròng. Các mô hình biofloc, aquaponics, sử dụng năng lượng mặt trời, biogas... không chỉ giúp giảm chi phí đầu vào mà còn đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường và phát triển bền vững.

Chuyển đổi xanh không đem lại hiệu quả tài chính tức thì, nhưng sẽ tạo lợi thế cạnh tranh lâu dài cho doanh nghiệp trên thị trường quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh các quy định môi trường ngày càng chặt chẽ.

**Cán bộ theo dõi**

**Người thực hiện**

**Đặng Thùy Dương**

**Lê Thị Thanh Thủy**